

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION
CÔNG TY TNHH CẢNG CONTAINER
QUỐC TẾ TÂN CẢNG HẢI PHÒNG
TAN CANG HAI PHONG INTERNATIONAL
CONTAINER TERMINAL CO., LTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/ No.: 1164/TM-HICT

Cát Hải, ngày 11 tháng 08 năm 2026
CatHai, dated 11/08/2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
REQUEST FOR QUOTATION LETTER

Về việc Mời chào giá hệ thống OCR cầu bờ STS tại cảng TC-HICT /
Regarding the Request for Quotation for the OCR System for STS Cranes
at TC-HICT Port

Kính gửi/ *Respectfully to:* Quý Công ty/ Đơn vị cung cấp/ *Company/*
Supplier

Nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (gọi tắt là TC-HICT) có kế hoạch đầu tư hệ thống OCR cầu bờ STS, cụ thể như sau:/ *To support business operations, TC-HICT plans to invest in the OCR system for STS cranes as follows:*

1. Tên hạng mục/*Item Name:* Hệ thống OCR cầu bờ STS./ *Name project: OCR system for STS cranes.*
2. Chủ đầu tư/ *Investor:* Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/*Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.*
3. Địa điểm thực hiện/*Implementation Location:* Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng - Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng/*Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd - Cat Hai Special Zone, Hai Phong City.*
4. Yêu cầu chi tiết/ *Detailed requirements:* Phụ lục yêu cầu kèm theo/*Attached appendix*
5. Yêu cầu chào giá/ *Request for Quotation:*



- Đồng tiền chào giá: Đồng tiền Việt Nam (VND) hoặc Đô la Mỹ (USD)/*Quotation Currency: Vietnamese Dong (VND) or United States Dollar (USD).*
- Giá chào: Bao gồm giá và phí cho tất cả các loại thuế phí, chi phí cài đặt, cấu hình, chạy thử và các chi phí dịch vụ liên quan khác/ *Quotation Price: Includes price and fees for all taxes, installation, configuration, testing and other related service costs.*
- Thời gian cung cấp: Đề nghị tính toán thời gian cung cấp thiết bị, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao, kèm theo giải trình chi tiết, trong đó làm rõ thời gian dự kiến dừng khai thác cầu STS (khuyến khích tổng thời gian thực hiện dưới 32 tuần)/ *Delivery Time: It is requested to calculate the equipment supply, installation, acceptance, and handover time, together with a detailed explanation, clearly indicating the estimated STS crane downtime (a total implementation period of less than 32 weeks is encouraged).*
- Thời gian bảo hành: Bảo hành tối thiểu 24 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng/*Warranty period: Minimum 24 months warranty from the date of handover, acceptance and put the work in use.*
- Hiệu lực chào giá: 90 ngày kể từ ngày hết hạn chào giá/*Quotation Validity: 90 days from the quotation deadline.*
- Hạn nhận thư báo giá: Hạn cuối cùng là 14h00 ngày 25/08/2026/*Quotation Receipt Deadline: The deadline is 2:00 PM on 25/08/2026.*
- Thư báo giá xin gửi về địa chỉ sau/ *Please send quotation letter to the following address:*
 - + Phòng Kỹ thuật- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/*Technical Department - Tan Cang Hai Phong*

International Container Terminal Co., Ltd.

- + Địa chỉ: Khu Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/*Address: Don Luong Area, Cat Hai Special Zone, Hai Phong City, Vietnam.*
- + Số điện thoại: 0225.3765499- Máy nhánh: 4111/*Phone number: 0225.3765499- Ext: 4111.*

Trân trọng kính chào./.

Thanks and best regards./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/*As above;*
- Lưu/ *Save:* VT, KT.D03.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Chao, Ta-Chung

PHỤ LỤC YÊU CẦU

APPENDIX INTERNAL FIREWALL EQUIPMENT REQUIREMENTS

(Kèm theo thư mời chào giá số 1164/TM-HICT ngày 11/08/2026/
Attached with request for quotation letter No. 1164/TM-HICT dated 11/08/2026)

Đơn vị chào giá cung cấp giải pháp trọn gói OCR cho cầu bờ STS (phần mềm và phần cứng), triển khai lắp đặt - cấu hình - chạy thử - nghiệm thu. Giải pháp phải đảm bảo kết nối/trao đổi dữ liệu với hệ thống TOS hiện hữu và/hoặc các hệ thống liên quan theo yêu cầu khai thác của Cảng/ *The Bidder shall provide a turnkey OCR solution for STS quay cranes (software and hardware), including installation, configuration, commissioning, and acceptance. The solution shall ensure connectivity and data exchange with the existing TOS system and/or other related systems in accordance with the Port's operational requirements.*

Hệ thống được triển khai cho 06 cầu STS; mỗi cầu phục vụ 06 làn xe chạy hai chiều. Tự động ghi nhận hình ảnh và nhận dạng thông tin container/xe đầu kéo trong quá trình xếp dỡ; đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực về TOS để loại bỏ nhập liệu thủ công/*The system shall be deployed for six (06) STS cranes, with each crane serving six (06) two-way traffic lanes. It shall automatically capture images and recognize container and truck tractor information during loading and unloading operations, and synchronize data with the TOS in real time to eliminate manual data entry.*

I. Quy trình minh họa (tổng quát)/ *Illustrative Workflow (Overview):*

A. Nhập hàng: Cầu STS nâng container từ tàu xuống xe đầu kéo; hệ thống OCR tự động ghi nhận dữ liệu theo các bước sau/

A. Import Operation: *The STS crane lifts the container from the vessel onto the truck tractor. The OCR system automatically captures the required data through the following steps:*

B1. Chụp và lưu hình ảnh container: tối thiểu 5 mặt (nóc/trước/sau/trái/phải) đối với container đơn; tối thiểu 4 mặt đối với container kẹp và hình ảnh minh chứng có/không có seal (không bao gồm số seal)/

Step 1. Capture and store container images: a minimum of five (5) views (top, front, rear, left, and right) for a single container; a minimum of four (4) views for twin-lift containers; and evidence images indicating the presence or absence of a seal (excluding the seal number)

B2. Nhận dạng: số container, mã ISO, hướng cửa; IMDG; phát hiện/ghi nhận tình trạng seal (có/không có); cảnh báo tình trạng container (nếu có) theo phạm vi chức năng/

Step 2. Recognition: container number, ISO code, door orientation; IMDG; detection/recording of seal status (present/absent); container condition alert (if any) within the functional scope

B3. Nhận dạng số hiệu xe đầu kéo (theo phương án/tiêu chuẩn nhà thầu đề xuất để bảo đảm nhận dạng)/

Step 3. Tractor identification number recognition (using the method/standard proposed by the Bidder to ensure accuracy)

B4. Kết hợp dữ liệu (container/xe/tình trạng seal/tình trạng vỏ container (nếu có)) và truyền về TOS theo giao thức/định dạng được thống nhất; hỗ trợ đối soát với danh sách công việc (worklist) để phát hiện sai lệch/

Step 4. Combine data (container/tractor/seal status/container condition (if any)) and transmit it to the TOS according to the agreed protocol/format; support reconciliation with the worklist to detect discrepancies

Hệ thống TOS nhận dữ liệu và hiển thị dữ liệu này trên màn hình VMT của xe đầu kéo/ *The TOS receives the data and displays it on the truck tractor's VMT screen.*

B5: Xe đầu kéo di chuyển đến điểm kiểm tra (Checking Point) được quy định. Tại đây, nhân viên giám định sử dụng ứng dụng kiểm tra seal của hệ thống OCR được cài đặt trên thiết bị di động của Cảng để thực hiện quét và nhận diện số seal thực tế. Kết quả quét được đối chiếu với dữ liệu container đã ghi nhận trước đó (theo phương án/tiêu chuẩn nhà thầu đề xuất để đảm bảo đồng bộ dữ liệu).

Step 5. The tractor moves to the designated Checking Point. At the Checking Point, the inspector uses the OCR system's seal inspection application installed on the Port's mobile device to scan and recognize the actual seal number. The scan result is reconciled with the previously recorded container data (according to the method/standard proposed by the Bidder to ensure data synchronization)

B6: Số seal được OCR xác nhận và truyền bổ sung vào hệ thống TOS theo luồng dữ liệu của container đã được ghi nhận và truyền gửi trước đó/

Step 6. The seal number shall be verified by OCR and transmitted to the TOS as supplementary information in the data flow of the container that has already been recorded and transmitted

B. Xuất hàng: Cầu STS nâng container từ xe đầu kéo lên tàu; OCR ghi nhận và truyền dữ liệu về TOS theo các bước sau/

B. Export Operation: *The STS crane lifts the container from the truck tractor onto the vessel. The OCR system captures and transmits the data to the TOS through the following steps:*

B1. Chụp và lưu hình ảnh: container đơn có thể ghi nhận tối đa 5 mặt (trước/sau/trái/phải/nóc) theo cấu hình; container kẹp ghi nhận theo cấu hình được phê duyệt/

Step 1. Capture and store images: Single containers shall be captured with up to five (5) views (front, rear, left, right, and top) according to the configured settings; twin-lift containers shall be captured according to the approved configuration

B2. Truyền kết quả nhận dạng về TOS; hỗ trợ đối chiếu với “load list/worklist” và cập nhật dữ liệu phục vụ vận hành tại màn hình cabin cầu STS/

Step 2. Transmit the recognition results to the TOS; support reconciliation with the load list/worklist and update the operational data displayed on the STS crane cabin display

B3. Hoàn tất xác nhận tác nghiệp theo logic tích hợp (ví dụ: khi khung chụp được tách ra khỏi container)/

Step 3. Complete the operation confirmation based on the integrated system logic (e.g., when the spreader is disengaged from the container)

II. Yêu cầu về kỹ thuật:

Stt/ No.	Hạng mục/ Items	Đơn vị tính/ Unit	Số lượng/ Q'ty
A	Hệ thống OCR cho 06 cầu STS/ OCR system for 06 STS cranes	Hệ thống/ System	01
I	Phần mềm với license trọn đời / Software with a perpetual license	Gói/ Package	01
1	Phần mềm nhận dạng OCR: Nhận dạng mã container, mã ISO, seal, hàng nguy hiểm (IMDG), phát hiện hư hỏng container, hướng cửa container, tình trạng container, số xe đầu kéo,.../ <i>OCR Recognition Software: Recognizes container number, ISO code, seal number, dangerous goods placards (IMDG), container damage detection, door orientation, container condition, tractor truck number, etc</i> Yêu cầu tỷ lệ nhận dạng: Chi tiết theo mục III. Bảng Tỷ lệ nhận diện/ <i>Required recognition rates: Refer to Section III – Recognition Rate Table for details</i>		
2	Phần mềm quản lý trung tâm: giám sát và điều hành toàn bộ hệ thống OCR; hiển thị trạng thái thiết bị, hình ảnh và kết quả nhận dạng theo thời gian thực; hỗ trợ chỉnh sửa dữ liệu nhận dạng khi cần thiết; đồng thời cung cấp chức năng lưu trữ, truy xuất dữ liệu, quản lý người dùng và phân quyền/ <i>Central Management Software: Monitor and manage the entire OCR system; display device status, images, and recognition results in real time; support editing of recognition data when necessary; and provide data storage and retrieval, user management, and access control functions</i>		
II	Phần cứng/ Hardware	Gói/ Package	01
1	Thiết bị máy chủ/ Server Equipment: - Yêu cầu tối thiểu/ <i>Minimum Requirements:</i>		

	• Kiểu dáng dạng rackmount / <i>Form Factor: Rackmount</i> • Bộ vi xử lý: Intel Xeon ≥ 12 cores, tốc độ xung nhịp $\geq 2.0\text{GHz}$, bộ nhớ đệm (Cache) $\geq 30\text{ MB}$/ <i>Processor (CPU): Intel Xeon ≥ 12 cores, clock speed $\geq 2.0\text{ GHz}$, Cache $\geq 30\text{ MB}$</i> • Bộ nhớ (RAM): Yêu cầu có sẵn $\geq 32\text{ GB DDR5}$ / <i>Memory (RAM): Minimum available $\geq 32\text{ GB DDR5}$</i> • Ổ cứng SSD: Yêu cầu có sẵn $\geq 2 \times 1.92\text{ TB}$/ <i>Storage (SSD): Minimum available $\geq 2 \times 1.92\text{ TB SSD}$</i> • Hỗ trợ RAID Controller/ <i>Hardware RAID Controller supported</i> • Network: Yêu cầu có sẵn ≥ 2 Port 1GbE/ <i>Minimum available $\geq 2 \times 1\text{GbE Ports}$</i> • Nguồn: 02 nguồn hot-plug/ <i>Power Supply: Dual (02) hot-plug redundant power supplies</i> Máy chủ hệ thống triển khai theo mô hình dự phòng hai máy chủ để đảm bảo tính sẵn sàng cao. Kèm theo bản quyền phần mềm đảm bảo cho việc cài đặt, cấu hình hệ thống/ <i>The system server shall be deployed in a two-server redundant configuration to ensure high availability, together with the software licenses required for system installation and configuration</i>		
2	Hệ thống lưu trữ: Hệ thống lưu trữ phục vụ lưu trữ hình ảnh và dữ liệu OCR; Chứng minh khả năng lưu trữ dữ liệu trong thời gian tối thiểu 06 tháng/ Storage System: <i>A storage system for storing OCR images and data; the Bidder shall demonstrate the capability to retain data for a minimum of six (6) months</i>		
3	Hệ thống Camera chuyên dụng/ Specialized Camera System: - Yêu cầu tối thiểu/ <i>Minimum Requirements:</i> + Hệ thống Camera có độ phân giải tối thiểu 4MP/ <i>Camera system with a minimum resolution of 4MP</i> + Hệ thống Camera có khả năng hoạt động trong điều kiện ánh sáng yếu; đảm bảo ghi hình ổn định trong các điều kiện thời tiết đặc thù tại khu vực cảng TC-HICT; thiết kế phù hợp lắp đặt ngoài trời và môi trường khai thác cảng/ <i>The Camera System</i>		

	<i>shall be capable of operating under low-light conditions; ensure stable recording under specific weather conditions in the TC-HICT port area; and be designed for outdoor installation and the port operating environment</i> + Khả năng chống rung lắc khi cầu STS vận hành/ <i>Anti-vibration capability during STS crane operations.</i> + Khả năng chống nước đạt tối thiểu IP66/ <i>Minimum ingress protection rating of IP66</i> + Camera đảm bảo chụp 5 mặt của Container: trước, sau, trái và phải, nóc container/ <i>Camera system ensures 5-sided container capture: front, rear, left, right, and top of the container</i> + Hệ thống camera bao gồm các linh phụ kiện đảm bảo việc lắp đặt, cài đặt, cấu hình hệ thống/ <i>The camera system includes all accessories and components required for complete installation, setup, and system configuration</i>		
4	Bộ điều khiển nhận dạng/ <i>Recognition Controller:</i> - Thông số tối thiểu/ <i>Minimum Specifications:</i> + Bộ vi xử lý: Intel Core I7, tốc độ xung nhịp $\geq 2.0\text{GHz}$/ <i>Processor: Intel Core i7, clock speed $\geq 2.0\text{GHz}$</i> + Bộ nhớ (RAM): Yêu cầu có sẵn $\geq 16\text{GB}$/ <i>Memory (RAM): Minimum available $\geq 16\text{GB}$</i> + Ổ cứng HDD hoặc SSD: Yêu cầu có sẵn $\geq 1\text{TB}$/ <i>Storage (HDD or SSD): Minimum available $\geq 1\text{TB}$</i> (đã bao gồm hệ điều hành và bộ lưu điện/ <i>Operating system and Uninterruptible Power Supply (UPS) included</i>)		
5	Vật tư phụ: Tủ kỹ thuật; Thiết bị mạng, hệ thống cáp mạng, cáp điện.... đảm bảo cho hệ thống kết nối tại các cầu STS và Phòng Trung tâm dữ liệu tại tòa nhà văn phòng TC-HICT/ <i>Auxiliary Materials:</i> <i>Technical cabinets; network equipment, network cabling systems, power cables, etc., ensuring connectivity for the system at the STS cranes and the Data Center Room at the TC-HICT office building</i> Lưu ý: Hạ tầng cáp quang kết nối từ Phòng Trung tâm dữ liệu (tòa nhà văn phòng TC-HICT) tới 06 cầu STS đã có sẵn/ <i>Note: The fiber optic cable infrastructure connecting the Data Center Room (located in the TC-HICT office building) to the six STS cranes is already in place</i>		
B	Dịch vụ lắp đặt, cấu hình / <i>Installation and configuration services</i>	Gói/ <i>Package</i>	01

- Vận chuyển, lắp đặt, cài đặt, kết nối mạng, cấu hình trang thiết bị thuộc hệ thống OCR yêu cầu tương thích với hoạt động của hệ thống phần mềm khai thác hiện tại của Cảng/<i>The transportation, installation, setup, network integration, and configuration of equipment under the OCR system shall be compatible with the operation of the Port's existing terminal operating system (TOS).</i> - Phần mềm khai thác Cảng TC-HICT sử dụng là hệ thống phần mềm TOPS của Realtime Business Solutions Pty. Ltd (RBS) - Địa chỉ: Level 5, 85 George Street Parramatta, N.S.W 2150 Australia/ <i>The terminal operating software used at TC-HICT Port is the TOPS system developed by Realtime Business Solutions Pty. Ltd (RBS), located at Level 5, 85 George Street, Parramatta, NSW 2150, Australia.</i> - Đơn vị chào giá được phép khảo sát hiện trường để nắm bắt hiện trạng và đề xuất phương án triển khai phù hợp tại Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng, đồng thời có thể liên hệ trực tiếp với RBS qua email: support@rbs-tops.com để nắm bắt các thông tin liên quan đến hệ thống phần mềm TOPS (nếu cần)/ <i>Bidders are permitted to conduct a site survey to assess the current status and propose a suitable implementation plan at Tan Cang Haiphong International Container Terminal Co., Ltd. Additionally, bidders may directly contact RBS via email: support@rbs-tops.com to obtain relevant information regarding the TOPS software system (if necessary)</i>		
---	--	--

III. Bảng tỷ lệ nhận diện/ *Recognition Rate Table*

TT/ No.	Tính năng/ <i>Features</i>	Yêu cầu tỷ lệ nhận diện (%)/ <i>Required Recognition Rate (%)</i>	Tỷ lệ nhận diện của đơn vị chào giá (%)/ <i>Bidder's Recognition Rate (%)</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1	Nhận dạng số container/ <i>Container number recognition</i>	$\geq 98\%$		Tuân thủ tiêu chuẩn container ISO 6346/ <i>Compliance with ISO 6346 container standards</i>
2	Nhận dạng mã ISO của container/ <i>Container ISO code recognition</i>	$\geq 98\%$		
3	Nhận dạng hướng cửa container/ <i>Recognition of container door orientation</i>	$\geq 98\%$		
4	Nhận dạng tình trạng hư hỏng container/ <i>Container damage detection</i>	$\geq 90\%$		
5	Nhận dạng tem IMDG của container chứa hàng nguy hiểm; Số class/ <i>Recognition of the IMDG label on containers carrying dangerous goods; Class number</i>	$\geq 93\%$		
6	Nhận dạng kẹp chì container/ <i>Container seal recognition</i>	$\geq 92\%$		
7	Hình ảnh 04 mặt container: trước, sau, trái và phải/ <i>Images of four sides of the container: front, rear, left, and right</i>	$\geq 99\%$		

8	Hình ảnh nóc container / <i>Container roof images</i>	$\geq 99\%$		
9	Khả năng xác định vị trí container hàng xuất trên tàu/ <i>Ability to determine the position of export containers on the vessel</i>	$\geq 99\%$		
10	Khả năng ghi nhận hình ảnh hư hỏng container/ <i>Container Damage Image Capture Capability</i>	$\geq 99\%$		
11	Nhận diện số hiệu xe đầu kéo/ <i>Truck Tractor Identification Number Recognition</i>	$\geq 98\%$		

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ HÀNG HÓA / APPENDIX 2: SUMMARY OF GOODS QUOTATION

STT No.	Danh mục hàng hóa và dịch vụ/ <i>List of Goods and Services</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Số lượng/ Khối lượng <i>Quantity</i>	Giá chào/ <i>Quoted Price</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Hệ thống OCR cho 06 cầu STS/ <i>OCR system for 06 STS cranes</i>	Hệ thống/ <i>System</i>	01	
1	Phần mềm với license trọn đời <i>/ Software with a perpetual license</i>	Gói/ <i>Package</i>	01	(M1)
2	Phần cứng/ <i>Hardware</i>	Gói/ <i>Package</i>	01	(M2)
II	Dịch vụ lắp đặt, cấu hình/ <i>Installation and configuration services</i>	Gói/ <i>Package</i>	01	(I)
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa/ <i>Total Quoted Price for Goods</i>			(M1) + (M2) + (I)

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
COMPANY REPRESENTATIVE

**A. BẢNG CHÀO GIÁ CHI TIẾT PHẦN MỀM VỚI LICENSE TRỌN ĐỜI/ DETAILED QUOTATION FOR SOFTWARE
WITH A PERPETUAL LICENSE**

STT No.	Danh mục hàng hóa/ List of goods	ĐVT Unit	Số lượng / Khối lượng Quantity	Xuất xứ, ký mã hiệu, số thông số kỹ thuật của sản phẩm/O rigin, marking, specifica tions of goods	Đơn giá CIF/ CIF Unit Price	Giá CIF/ CIF Price	Thành tiền chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT/ Total Amount Excluding Import-Related Taxes, Fees and Charges, Special Consumption Tax (if any), and VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT/ Import- Related Taxes, Fees and Charges, Special Consumption Tax (if any), and VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 8+9)/ Total Amount Including Import-Related Taxes, Fees and Charges, Special Consumption Tax (if any), and VAT (Columns 8 + 9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)
I	Phần mềm nhận dạng OCR: Nhận dạng mã container, mã ISO, seal, hàng nguy hiểm (IMDG), phát hiện hư hỏng container, hướng cửa container, tình trạng container, số xe đầu kéo,.../ OCR Recognition Software: Recognizes container number, ISO code, seal number, dangerous goods placards (IMDG), container damage								

	<i>detection, door orientation, container condition, tractor truck number, etc</i>									
II	Phần mềm quản lý trung tâm: giám sát và điều hành toàn bộ hệ thống OCR; hiển thị trạng thái thiết bị, hình ảnh và kết quả nhận dạng theo thời gian thực; hỗ trợ chỉnh sửa dữ liệu nhận dạng khi cần thiết; đồng thời cung cấp chức năng lưu trữ, truy xuất dữ liệu, quản lý người dùng và phân quyền/ <i>Central Management Software: Monitor and manage the entire OCR system; display device status, images, and recognition results in real time; support editing of recognition data when necessary; and provide data storage and retrieval, user management, and access control functions</i>									
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) / Total offer price of goods including taxes, fees, charges (if any)									(M1)

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
COMPANY REPRESENTATIVE

B. BẢNG CHÀO GIÁ CHI TIẾT PHẦN CỨNG/ DETAILED HARDWARE QUOTATION

STT No.	Danh mục hàng hóa/ <i>List of goods</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Số lượng / Khối lượng <i>Quantity</i>	Xuất xứ, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật của sản phẩm/ <i>Origin , marking, specifications of goods</i>	Đơn giá CIF/ <i>CIF Unit Price</i>	Giá CIF/ <i>CIF Price</i>	Thành tiền chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT/ <i>Total Amount Excluding Import-Related Taxes, Fees and Charges, Special Consumption Tax (if any), and VAT</i>	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT/ <i>Import- Related Taxes, Fees and Charges, Special Consumption Tax (if any), and VAT</i>	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 8+9)/ <i>Total Amount Including Import- Related Taxes, Fees and Charges, Special Consumption Tax (if any), and VAT (Columns 8 + 9)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)
1	Thiết bị máy chủ/ <i>Server Equipment:</i>								
2	Hệ thống lưu trữ/ <i>Storage System</i>								
3	Hệ thống Camera chuyên dụng/ <i>Specialized Camera System</i>								
4	Bộ điều khiển nhận dạng/ <i>Recognition Controller</i>								
5	Vật tư phụ: Tủ kỹ thuật; Thiết bị mạng, hệ thống cáp mạng, cáp điện.... /								

[illegible]

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
COMPANY REPRESENTATIVE

C. BẢNG CHÀO GIÁ CHI TIẾT DỊCH VỤ LIÊN QUAN/ DETAILED QUOTATION FOR RELATED SERVICES

1	2	3	4	5	6	7
TT/ No.	Mô tả dịch vụ/ Service Description	Khối lượng/ Quantity	ĐVT/ Unit	Địa điểm thực hiện dịch vụ/ Service Location	Đơn giá chào/ Quoted Price	Thành tiền Amount (3 × 6)
I	Dịch vụ lắp đặt, cấu hình/ Installation and configuration services	01	Gói/ Package	- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/ Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd. - Địa chỉ: Khu Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/ Address: Don Luong Area, Cat Hai Special Zone, Hai Phong City, Vietnam		
1	- Vận chuyển, lắp đặt, cài đặt, kết nối mạng, cấu hình trang thiết bị thuộc hệ thống OCR yêu cầu tương thích với hoạt động của hệ thống phần mềm khai thác hiện tại của Cảng/ The transportation, installation, setup, network integration, and configuration of equipment under the OCR system shall be compatible with the operation of the Port's existing terminal operating system (TOS).					
...						
n						
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)/ Total Quoted Price for Related Services, Inclusive of Taxes, Fees, and Charges (if any)						(D)

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
COMPANY REPRESENTATIVE

**PHỤ LỤC 3: BẢNG CHÀO GIÁ DỊCH VỤ BẢO TRÌ, HỖ TRỢ KỸ THUẬT SAU BẢO HÀNH/ APPENDIX 3:
DETAILED QUOTATION FOR POST-WARRANTY MAINTENANCE AND TECHNICAL SUPPORT SERVICES**

STT No.	Danh mục hàng hóa/ List of goods	ĐVT/ Unit	Số lượng/ Quantity	Đơn giá/ Unit price	Thành tiền/ Total	Thuế VAT/ VAT	Tổng tiền/ Total amount
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)
I	Gói dịch vụ bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật từ xa 24/7 sau bảo hành (không bao gồm phần cứng)/ 24/7 Remote Maintenance and Technical Support Service Package (Post-Warranty, Excluding Hardware)	Năm/ Year	01				
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) / Total offer price of goods including taxes, fees, charges (if any)						

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
COMPANY REPRESENTATIVE

